TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2024/DS-PT
Ngày 26/4/2024
V/v *Tranh chấp về thừa kế tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Tú

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức

Ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2024/TLPT-DS, ngày 16/01/2024 về việc "*V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2024/QĐ-PT ngày 03/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M; Địa chỉ: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt;

- Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ và bà Lưu Thị Xuân H; Địa chỉ: Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Đều có mặt;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn M1; Địa chỉ: Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

2. Bà Phạm Thị T; Địa chỉ: C P, khối B, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt;

3. Ông Phạm Văn B (Đã chết)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn B: Chị Phạm Thị Hồng T1, anh Phạm Văn T2; Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Đều vắng mặt;

4. Ông Phạm Văn T3; Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt;

5. Bà Phạm Thị T4; Địa chỉ: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt;

6. Bà Phạm Thị T5; Địa chỉ: Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

Do có kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Lưu Thị Xuân H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 06/8/2019, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày:***

Ông Phạm Văn K (chết ngày 02/6/2018) và bà Nguyễn Thị R (chết ngày 01/02/2016) có 09 người con là bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị T5, Ông Phạm Văn M1, Ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T6, ông Phạm Văn B (đã chết ngày 08/6/2010), ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị T4, ông Phạm Văn C (chết khi còn nhỏ chưa có vợ con). Ông Phạm Văn B có vợ bà Hoàng Thị H1 (đã chết ngày 17/02/2022) có 02 con chung là ông Phạm Hải T7 và bà Phạm Thị Hồng T1. Trong quá trình sinh sống, ông K và R có tạo lập được khối tài sản là diện tích đất đo thực tế là 7702.9m^2 thuộc thửa đất số 28, 30, 75 tờ bản đồ số 51 tại thôn F, xã E, huyện E, do ông K đã đăng ký kê khai vào năm 2008 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào ngày 01/02/2016 bà Nguyễn Thị R chết không để lại di chúc, đến ngày 25/12/2015 (âm lịch) ông K gọi anh em họp gia đình, lập biên bản bàn giao toàn bộ 3 thửa đất trên cho bà M quản lý sử dụng. Sau khi được bàn giao đất thì bà M có tiền hành cải tạo đất, san ủi hết 19.500.000 đồng. Trong quá trình canh tác thì ngày 23/4/2017, vợ chồng ông Đ, bà H tranh chấp sử dụng 03 thửa đất trên, không cho bà M trực tiếp quản lý sử dụng nữa. Ngày 02/6/2018 thì ông Phạm Văn K chết không để lại di chúc.

Vì vậy, bà M đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị R đối với 3 thửa đất trên, đồng thời buộc những người được hưởng thừa kế từ di sản là 03 thửa đất trên phải có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 19.500.000 đồng tiền tôn tạo đất và tiền lãi 10%/năm từ năm 2017 đến 2023 là tổng cộng là 33.500.000 đồng.

**** Bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Lưu Thị Xuân H trình bày:***

Ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị R là bố mẹ ruột của ông Đ, là bố mẹ chồng của bà H; Ông Phạm Văn M1, bà Phạm Thị T6, ông Phạm Văn B (đã chết), ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị T5, bà Phạm Thị T4 có mối quan hệ là anh chị em ruột của ông Đ. Anh Phạm Hải T7 và chị Phạm Thị Hồng T1 là cháu ông Đ (Con ông B); bà Lưu Thị Xuân H là vợ của ông Đ.

Vào khoảng năm 1984 ông Đ, bà H có vào tại thôn F, xã C, huyện E sinh sống. Đến năm 1986 ông Đ lấy vợ nên đã khai hoang đất rừng 6716m^2 đất thuộc thửa đất số 25, 28, 30, 75 tờ bản đồ số 51, ông Đ bà H ở trên lô đất từ năm đến năm 1993. Đến năm 1993 ông Đ, bà H thấy bố mẹ đẻ là ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị R từ ngoài quê Thanh Hóa vào không có đất để ở, lúc đó ông Đ nhiều đất nên đã cho ông K, bà H mượn ở để canh tác làm để sinh sống vì không có ai nuôi dưỡng. Trong

thời gian ông K bà R sử dụng lô đất trên, vì thấy điều kiện bà M khó khăn có con đi học nên ông K đã cho bà M mượn đất trống để trông hoa màu nhưng không có sự đồng ý của ông Đ, bà H. Sau khi thấy bà M làm trên đất thì ông Đ, bà H có qua nói với ông K là không cho bà M làm, nhưng ông K có xin ông Đ là cho bà M làm thêm mấy năm nửa để nuôi con, sau này ông K lấy lại trả cho tôi nên mới đồng ý. Vào năm 2016 bà M có thuê máy múc đất thì ông Đ, bà H có biết nhưng hết tiền đất bao nhiêu tiền thì ông Đ không biết.

Đến năm 2017 thì do tuổi cao sức yếu nên ông K đã trả lại 4 thửa đất trên cho ông Đ, bà H, ông K đã lập biên bản bàn giao tài sản cho ông Đ ngày 27/3/2017 và có xác nhận của ban tự quản thôn 6c. Ông Đ, bà H sử dụng lô đất từ năm 2017 cho đến nay. Vào ngày 23/12/2015 (âm lịch) bà Nguyễn Thị R chết, thì ngày 25/12/2015 (âm lịch) ông Phạm Văn M1 gọi anh em họp gia đình, ông M1 ép ông Đ, bà H, bà T4, ông Đ ký vào biên bản bàn giao toàn bộ 4 thửa đất trên cho ba Miền quản lý sử dụng. Thời điểm đó ông K nghe lời ông M1 nên cũng ký vào biên bản bàn giao tài sản để nuôi ông K. Ông Đ, bà H không nhất trí ký vào biên bản bàn giao đất, sợ bị đánh nên ông Đ buộc phải ký vào giấy tờ. Chữ ký trong giấy bàn giao tài sản là đúng chữ ký của ông Đ. Bà H không đồng ý ký.

Nay bà M đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị R đối với thửa đất 28, 30, 75 tờ bản đồ số 51 diện tích 7702.9m^2 và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar buộc ông Phạm Văn M1, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T6, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị T4, bà Phạm Thị T5 anh Phạm Hải T7 và chị Phạm Thị Hồng T1 (Con ông B) là những người hưởng thừ kế di sản trên phải có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 19.500.000 đồng tiền tôn tạo đất thì ông Đ không đồng ý. Vì nguồn gốc thửa đất này là tài sản của ông Đ, bà H chứ không phải là tài sản của ông K, bà R nên không thể phân chia di sản thừa kế được. Đối với số tiền 19.500.000 đồng bà M yêu cầu ông Đ trả thì ông Đ không đồng ý, vì việc bà M thuê máy về múc đất không thông qua ý kiến của ông Đ, bà H vì vậy ông Đ không có trách nhiệm trả.

*** Người liên quan ông Phạm Văn M1 trình bày:**

Ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị R là bố mẹ ruột của ông M1; ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T6, ông Phạm Văn B (Đã chết), ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị T4, bà Phạm Thị T5, bà Phạm Thị M có mối quan hệ là anh chị em ruột của bà M1. Anh Phạm Hải T7 và chị Phạm Thị Hồng T1 là cháu ông M1 (Con ông B).

Vào năm 1984, ông M1 có đưa ông Đ vào Đắk Lắk sinh sống. Vào năm 1986 sau khi ông Đ lấy vợ thì có khai hoang khoảng 7000m^2 đất thuộc thửa đất số 25, 28, 30, 75 tờ bản đồ số 51, tuy nhiên trong đó có khoảng 3000m^2 là đất đã khai hoang, còn lại khoảng 4000m^2 là đất suối, cây tre chưa được khai hoang. Đến năm 1993 thì ông M1 đưa ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị R từ ngoài tỉnh Thanh Hóa vào Đ

sinh sống, do chưa có đất nên ông M1 đã mua lại các thửa đất trên của ông Phạm Văn Đ và bà Lưu Thị Xuân H để cho ông K và R sống với giá là 4,4 chỉ vàng, vì là chỗ anh em ruột trong gia đình nên chỉ mua bán miệng với nhau chứ không viết giấy tờ gì. Sau khi mua của ông Đ 03 thửa đất trên thì ông M1 đã cho lại ông K, bà R 04 thửa đất trên.

Ông K, R sử dụng 04 thửa đất trên từ năm 1993 đến năm 1998 thì do tuổi cao sức yếu nên không canh tác nửa. Vì vậy ông K, bà R đã giao lại thửa đất trên cho bà M canh tác từ năm 1998 cho đến 2015. Vào ngày 23/12/2015 (âm lịch) bà Nguyễn Thị R chết, thì ông Phạm Văn K gọi các con là ông Phạm Văn M1, ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn T3 và bà M họp gia đình để giao lại 04 thửa đất trên cho ông M1, để ông M1 phụng dưỡng ông K tuổi già, nhưng ông M1 không lấy, sau đó ông K lại giao lại cho con trai ông M1 là cháu Phạm Thanh M2, tuy nhiên cháu M2 cũng không lấy. Vì vậy các anh em thống nhất bàn giao lại 4 thửa đất trên cho bà M quản lý sử dụng để lấy tiền phụng dưỡng ông Khai tuổi già, các thành viên gia đình tham gia buổi họp thống nhất và ký vào biên bản bàn giao tài sản cho bà M vào ngày 25/12/2015 (ÂL). Mục đích bàn giao tài sản cho bà M để sau này bán đất lo hậu sự cho ông K chứ không phải là anh em thống nhất cho bà M diện tích đất này.

Sau khi bà M được gia đình thống nhất bàn giao quản lý sử dụng 4 thửa đất trên thì bà M đã thuê máy múc để khai hoang phần đất hoang hoá còn lại với tổng số tiền là 19.5000.000 đồng. Khi bà M đưa máy về khai hoang xong thì ông K lấy lại đất, thì bà M có nói với ông K là kêu tất cả các đứa con lại và trả lại tiền múc đất cho bà M, tuy nhiên ông K không chịu, ông K cho rằng ông K không nhờ bà M khai hoang đất nên ông K không chấp nhận trả tiền. Ông K chỉ để bà M trông mía trên đất đã khai khoang.

Vào ngày 19/4/2017 (AL) ông K chết, thì ông Đ dành 4 thửa đất trên từ bà M quản lý sử dụng, ông Đ đã cày phá mía của bà M. Ông Đ sử dụng 4 thửa đất trên từ năm 2017 cho đến nay.

Hiện tại 4 thửa đất trên trị giá khoảng 210.000.000 đồng. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị R đối với 4 thửa đất trên phần của ông M1 được hưởng là 30.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bà M đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar buộc ông Phạm Văn M1, Ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T6, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị T4, bà Phạm Thị T5 anh Phạm Hải T7 và chị Phạm Thị Hồng T1 (Con ông B) phải có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 19.500.000 đồng tiền khai hoang đất thì ông M1 đồng ý.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T3 trình bày:***

Ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị R là bố mẹ ruột của bà M; Ông Phạm Văn M1, Ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T6, ông Phạm Văn B (Đã chết), bà Phạm Thị

T4, bà Phạm Thị T5, bà Phạm Thị M có mối quan hệ là anh chị em ruột của bà M. Anh Phạm Hải T7 và chị Phạm Thị Hồng T1 là cháu bà M (Con ông B).

Vào khoảng năm 1986 ông Phạm Văn Đ có vào tại thôn F, xã C, huyện E sinh sống và khai hoang khoảng 3000m^2 còn lại khoảng 6000m^2 là đất suối, cây tre chưa được khai hoang chưa được khai phá. Đến năm 1993 ông Phạm Văn Đ đã bán lô đất trên cho ông anh cả là Phạm Văn M1 với giá là 2.000.000 đồng, vì là chỗ anh em nên ông Đ không làm giấy tờ mua bán. ông M1 mua hộ thửa đất trên cho bố mẹ đẻ là ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị R.

Ông K, R sử dụng 4 thửa đất trên từ năm 1993 đến năm 1998 thì do tuổi cao sức yếu nên không canh tác nửa. Vì vậy ông K, bà R đã giao lại thửa đất trên cho bà M canh tác từ năm 1998 cho đến 2015. Vào ngày 23/12/2015 bà Nguyễn Thị R chết, thì ông Phạm Văn K gọi các con là ông Phạm Văn M1, ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn T3 để giao 4 thửa đất trên cho 3 đứa con trai nhưng không ai nhận, sau đó ông M1, ông Đ, ông T3 thống nhất giao thửa đất trên để bà M quản lý sử dụng để nuôi dưỡng ông K, các thành viên tham gia buổi họp gia đình đã ký vào biên bản bàn giao tài sản cho bà M vào ngày 25/12/2005 (AL).

Sau khi bà M được gia đình thống nhất bàn giao toàn bộ 4 thửa đất trên để quản lý sử dụng thì bà M đã thuê máy múc để khai hoang phần đất hoang hoá còn lại 6000m^2.

Vào ngày 19/4/2017 (AL) ông K chết, thì ông Đ đã dành 4 thửa đất trên để sử dụng từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian ông K, bà R sử dụng đất thì do nhà gỗ bị hỏng, ông T3 có nói các anh em góp tiền vào xây nhà cho ông K, nhưng không ai góp tiền, vì vậy ông M1, bà M, ông B, bà T4, bà T5, bà T6 đồng ý để ông T3 bỏ tiền ra xây cho ông K 01 ngôi nhà cấp 4, có diện tích khoảng 50 cm, giá trị ngôi nhà khoảng 30.000.000 đồng. Việc ông T3 xây nhà chỉ mình ông Đ không đồng ý vì ông Đ cho rằng là đất của ông Đ.

Bà M đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị R đối với 4 thửa đất trên phần của bà M được hưởng là 30.000.000 đồng và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar buộc ông Phạm Văn M1, Ông Phạm Văn Đ1, bà Phạm Thị T6, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị T4, bà Phạm Thị T5, anh Phạm Hải T7 và chị Phạm Thị Hồng T1 (Con ông B) phải có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 19.500.000 đồng tiền khai hoang đất.

Đối với yêu cầu phân chia tài sản thừa kế theo yêu cầu của bà M thì tôi đồng ý. Đối với yêu cầu tôi phải chịu một phần trong số tiền bà M khai hoang đất thì tôi không đồng ý, vì tôi không nhận tài sản thừa kế nên tôi không đồng ý trả.

Tôi yêu cầu ông Phạm Văn M1, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T6, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị T4, bà Phạm Thị T5, anh Phạm Hải T7 và chị Phạm Thị Hồng

T1 (Con ông B) phải trả cho ông T3 30.000.000 đồng tiền giá trị ngôi nhà trên đất. Ông T3 từ chối nhận di sản thừa kế.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T4 trình bày:**

Ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị R là bố mẹ ruột của bà T4; Ông Phạm Văn M1, Ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T6, ông Phạm Văn B (Đã chết), ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị T5 có mối quan hệ là anh chị em ruột của bà T4. Anh Phạm Hải T7 và chị Phạm Thị Hồng T1 là cháu bà T4 (Con ông B).

Vào khoảng năm 1986 ông Phạm Văn Đ có vào tại thôn F, xã C, huyện E sinh sống và khai hoang đất rừng 6716m^2 đất thuộc thửa đất số 25,28,30,75 tờ bản đồ số 51. Đến năm 1993 ông Phạm Văn Đ cho bố mẹ đẻ là ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị R mượn ở để canh tác làm, vì lúc đó ông K, bà R, từ bắc vào không có đất ở.

Ông K, bà R sử dụng 4 thửa đất trên từ năm 1993 đến năm 2017 thì do tuổi cao sức yếu nên không canh tác nửa. Vì vậy ông K, bà R đã trả lại thửa đất trên cho ông Đ, bà H. Ông Đ, bà H sử dụng lô đất từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ông K, bà R sử dụng lô đất trên, vì thấy điều kiện bà M khó khăn có con đi học nên ông K đã cho bà M mượn đất trống để trông hoa màu nhưng không có sự đồng ý của ông Đ, bà H. Vào ngày 23/12/2015 bà Nguyễn Thị R chết, thì ngày 25/12/2015 ông Phạm Văn M1 gọi anh em họp gia đình, bàn về việc thừa thiếu ma chay của bà R, lúc đó ông M1 đuổi đánh bà T4 và lối cổ ông Phạm Văn Đ, bà Lưu Thị Xuân H ép bà T4, ông Đ, bà H ký vào biên bản bàn giao toàn bộ 4 thửa đất trên cho bà M quản lý sử dụng. Thời điểm đó ông K nghe lời ông M1 nên cũng ký vào biên bản bàn giao tài sản để nuôi ông K. Ông Đ, bà H sợ bị đánh nên phải ký, còn bà T4 không ký. Chữ ký trong giấy bàn giao tài sản bà M cung cấp cho Tòa án ngày 25/12/2019 không phải là chữ ký của bà T4, chữ ký bà M bị giả mạo. Vào năm 2016 bà M có thuê máy múc của ông Nguyễn Đình K1, trú tại: Thôn F, xã C để gạt một số bụi le bờ suối lớn, bà M thuê máy múc đất thì ông Đ, bà H không biết, vì lúc đó con ông Đ1 đang ốm nằm viện. Bà M thuê máy múc hết bao nhiêu tiền thì bà T4 không biết.

Vào năm 2017 ông K đã lấy lại 4 thửa đất trên để trả cho con trai là ông Đ, bà H. Nay bà M đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị R đối với 4 thửa đất trên phần của bà M3 được hưởng là 30.000.000 đồng và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar buộc ông Phạm Văn M1, Ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T6, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị T4, bà Phạm Thị T5, anh Phạm Hải T7 và chị Phạm Thị Hồng T1 (Con ông B) phải có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 19.500.000 đồng tiền khai hoang đất thì tôi không đồng ý. Vì nguồn gốc thửa đất này là tài sản của ông Đ bà H chứ không phải là tài sản của ông K, bà R nên không thể phân chia di sản thừa kế được. Đối với số tiền 19.500.000 đồng bà M yêu cầu bà T4 trả thì bà T4 không đồng ý, vì không liên quan đến bà T4.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng T1 trình bày:**

Ông Phạm Văn B (đã chết năm 2010) và vợ bà Hoàng Thị H1 (đã chết) có 02 người con là bà Phạm Thị Hồng T1 và ông Phạm Hải T7. Ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị R là ông bà nội của bà T1 và ông T7, trước khi chết có để lại di sản thừa kế là thửa đất số 28, 30, 75 tờ bản đồ số 51 tại thôn F, xã E, huyện E, có diện tích theo đo đạc là 7702.9m^2. Nay ông K, bà R và ông B đã chết nên bà T1 và ông T7 được hưởng thừa kế di sản của ông K, bà R để lại cho ông B. Tuy nhiên bà T1 từ chối nhận di sản thừa kế trên.

Tại bản án số: 49/2023/DS-ST ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 và khoản 2 Điều 219, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, Điều 613, Điều 623, Điều 649; khoản 1 Điều 650; Điều; Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 167; khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326 án phí, lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Ông Phạm Văn Đ được hưởng diện tích 2294m^2 thuộc thửa đất số 28+75, tờ bản đồ số 51 tọa lạc tại thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo phạm vi từ điểm số 1 đến điểm số 30, từ điểm số 30 đến điểm 1.

- Ông Phạm Văn Đ được hưởng diện tích 5408,9m^2 thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 51 tọa lạc tại thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo phạm vi từ điểm số 311 đến điểm số 53, và từ điểm số 53 đến điểm 31.

Trên đất có 01 nhà xây cấp 4, diện tích 27,44m^2, mái ngói, nền láng xi măng, tường gạch.

(***Kích thước, vị trí, số đo diện tích đất được thể hiện tại của công ty cổ phần Đ2, bút lục số 99).***

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai, điều chỉnh diện tích đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Phạm Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị M, ông Phạm Văn M1, bà Phạm Thị T5 là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất mỗi người 42.013.400 đồng và cho ông Phạm Hải T7 là người thừa kế thế vị (con ông Phạm Văn B) là 42.013.400 đồng.

- Buộc Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn M1, bà Phạm Thị T5, ông Phạm Hải T7 mỗi người phải trả cho bà M 3.900.000 đồng tiền tôn tạo di sản thừa kế.

2. Bác yêu cầu của bà Phạm Thị M về việc yêu cầu những người được hưởng thừa kế từ ông K, bà R phải trả cho bà M số tiền tiền lãi 14.000.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn T3 về việc yêu cầu người được hưởng di sản thừa kế trả cho ông T3 số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải quyết tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/8/2023, Bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Lưu Thị Xuân H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của Bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Lưu Thị Xuân H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Lưu Thị Xuân H làm trong thời hạn luật định; Ông Đ, bà H đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét đơn kháng cáo của Bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Lưu Thị Xuân H HĐXX thấy rằng:

Về nguồn gốc của các thửa đất số 28, 30, 75: Nguyên đơn cho rằng đây là tài sản của ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị R; Bị đơn cho rằng các thửa đất trên do bị đơn khai hoang, sau đó vào năm 1993 cho ông K và bà R mượn để canh tác. Năm 2015 các bên có lập biên bản họp gia đình giao cho bà M quản lý sử dụng, đến năm 2017 thì xảy ra tranh chấp với ông Phạm Văn Đ và bà Lưu Thị Xuân H. Tuy nhiên, tại Báo cáo số 04/BC-UBND ngày 08/2/2023 của UBND xã E, huyện E xác định 03 thửa đất 28, 30 và 75 do ông Phạm Văn K là người kê khai đăng ký tại UBND xã E, huyện E vào năm 2008 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, có căn cứ để xác định đây là di sản thừa kế của ông K và R, ông K và R chết không để lại di chúc nên việc bà M yêu cầu chia di sản thừa theo pháp luật là có căn cứ. Việc ông Đ, bà H cho rằng đây là tài sản của ông Đ, bà H nhưng ngoài lời trình bày thì ông Đ, bà H ra thì không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, trong hàng thừa kế thứ nhất của ông K, bà R có 09 người con thì có 03 người con là ông T3, bà T và bà T4 từ chối nhận di sản, ông Phạm Văn C chết khi còn nhỏ nên phần di sản này sẽ chia cho 05 người còn lại là bà M, ông M1, ông Đ, bà T5 và ông B. Tuy nhiên, ông B đã chết trước ông K và R nên 02 người con của ông B là bà Phạm Thị Hồng T1 và ông Phạm Hải T7 sẽ nhận phần di sản mà ông B được thừa kế. Do bà T1 từ tối nhận di sản nên phần của bà T1 sẽ do ông T7 nhận.

Qua đo đạc thực tế và định giá tài sản xác định: thửa đất 28+75, tờ bản đồ số 51 có diện tích 2.294m^2, trị giá 68.800.000 đồng, thửa đất số 30 tờ bản đồ số 51 có diện tích 5.408,9m^2 trị giá 135.267.000 đồng; 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 27,44m^2, mái ngói, nền láng xi măng, tường gạch có trị giá là 6.000.000 đồng. Tổng cộng là 210.067.000 đồng.

Như vậy, Tòa cấp sơ thẩm đã xác định người nhận di sản thừa kế là bà M, ông M1, ông Đ, bà T5 và con ông B là anh Phạm Hải T7, mỗi người nhận giá trị 1/5 di sản thừa kế là 42.013.400 đồng. Do M, ông M1, bà T5 và con ông B là anh Phạm Hải T7 có nguyện vọng chỉ nhận giá trị tài sản nên HĐXX cần giao 03 thửa đất trên cho ông Đ quản lý, sử dụng và ông Đ có trách nhiệm trả cho 04 người có nguyện vọng hưởng thừa kế trên, mỗi người là 42.013.400 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà M về việc yêu cầu những người được hưởng di sản thừa kế phải trả cho bà M số tiền 19.500.000 đồng tiền tôn tạo đất trong thời gian giao cho bà M quản lý và tiền lãi 10%/năm từ năm 2017 đến năm 2023 là 14.00.000 đồng. HĐXX nhận thấy, việc bà M tôn tạo di sản thừa kế làm tăng giá trị của tài sản thừa kế nên yêu cầu của bà M là có căn cứ. HĐXX cần chấp nhận số tiền bà M sử dụng để tôn tạo di sản là 19.500.000 đồng, buộc ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn M1, bà Phạm Thị T5, ông Phạm Hải T7 là người hưởng thừa kế phải trả cho bà M số tiền này, mỗi người là 3.900.000 đồng. Tuy nhiên, việc yêu cầu tiền lãi là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn T3 yêu cầu những người được hưởng thừa kế phải trả cho ông T3 số tiền 30.000.000 đồng là tiền xây nhà cho ông K và bà R. Tại cấp sơ thẩm, ông T3 rút yêu cầu phản tố này, xét thấy việc rút yêu cầu phản tố của ông T3 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố trên là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX nhận thấy, đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Lưu Thị Xuân H không có căn cứ để xem xét mà cần giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Phạm Văn Đ và bà Lưu Thị Xuân H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Lưu Thị Xuân H; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 và khoản 2 Điều 219, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, Điều 613, Điều 623, Điều 649; khoản 1 Điều 650; Điều; Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 167; khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326 án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Ông Phạm Văn Đ được hưởng diện tích 2.294m^2 thuộc thửa đất số 28+75, tờ bản đồ số 51 tọa lạc tại thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo phạm vi từ điểm số 1 đến điểm số 30, từ điểm số 30 đến điểm 1.

- Ông Phạm Văn Đ được hưởng diện tích 5.408,9m^2 thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 51 tọa lạc tại thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo phạm vi từ điểm số 311 đến điểm số 53, và từ điểm số 53 đến điểm 31.

Trên đất có 01 nhà xây cấp 4, diện tích 27,44m^2, mái ngói, nền láng xi măng, tường gạch.

(***Kích thước, vị trí, số đo diện tích đất được thể hiện tại của công ty cổ phần Đ2, bút lục số 99).***

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai, điều chỉnh diện tích đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Phạm Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị M, ông Phạm Văn M1, bà Phạm Thị T5 là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất mỗi người 42.013.400 đồng và cho ông Phạm Hải T7 là người thừa kế thế vị (con ông Phạm Văn B) là 42.013.400 đồng.

- Buộc Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn M1, bà Phạm Thị T5, ông Phạm Hải T7 mỗi người phải trả cho bà M 3.900.000 đồng tiền tôn tạo di sản thừa kế.

2. Bác yêu cầu của bà Phạm Thị M về việc yêu cầu những người được hưởng thừa kế từ ông K, bà R phải trả cho bà M số tiền tiền lãi 14.000.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn T3 về việc yêu cầu người được hưởng di sản thừa kế trả cho ông T3 số tiền 30.000.000 đồng.

[2]. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn M1, bà Phạm Thị T5, ông Phạm Hải T7 mỗi người phải cho bà M mỗi người phải chịu 2.345.000 đồng. Bà Phạm Thị M được nhận lại số tiền 11.725.000 đồng sau khi thu được từ ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn M1, bà Phạm Thị T5, ông Phạm Hải T7.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí DSST:

- Buộc ông Phạm Văn M1, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T5, bà Phạm Thị M, ông Phạm Hải T7 phải chịu tiền án phí sơ thẩm có giá ngạch là 2.100.000 đồng.

- Buộc bà Phạm Thị M phải chịu 700.000 đồng tiền án phí do yêu cầu tiền lãi không được chấp nhận.

- Trả cho ông Phạm Văn T3 số tiền 750.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AA/2019/0006021 ngày 10/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

[3.2].Về án phí DSPT:

Ông Phạm Văn Đ và bà Lưu Thị Xuân H mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT, được khấu trừ vào 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Phạm Văn Đ đã nộp lần lượt theo các biên lai thu số 0001101 và 0001102 ngày 19/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Văn Tú